

P, ngày 12 tháng 01 năm 2023

Số: 08/2023/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 219/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Lê Ngọc H, sinh năm 1996. Nơi trú tại: số 22/5 ấp P, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968. Cùng nơi trú tại: số 3/2 ấp V B, xã Đ Đ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn Bé N và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Lê Ngọc H số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Thời hạn trả thực hiện cụ thể như sau:

Vào ngày 6/4/2023 ông Nguyễn Văn Bé N và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Lê Ngọc H số tiền là 5.000.000 (năm triệu đồng).

Vào ngày 6/7/2023 ông Nguyễn Văn Bé N và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Lê Ngọc H số tiền là 5.000.000 (năm triệu đồng).

Vào ngày 6/10/2023 ông Nguyễn Văn Bé N và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Lê Ngọc H số tiền là 5.000.000 (năm triệu đồng).

Vào ngày 6/01/2024 ông Nguyễn Văn Bé N và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Đỗ Lê Ngọc H số tiền là 5.000.000 (năm triệu đồng) là hết số nợ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Bé N là người cao tuổi nên được miễn.
- Bà Nguyễn Thị C chịu 125.000 (một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.
- Chị Đỗ Lê Ngọc H chịu là 250.000 (Hai trăm năm mươi nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007476 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Số tiền còn lại 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng Chi cục thi hành án dân sự huyện Phòan trả cho Chị Đỗ Lê Ngọc H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

